

Bản án số: 56/2024/DS-PT

Ngày 30 - 9 - 2024

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản  
là quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thu Lan

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Túc

Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Việt Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:** Bà Bùi Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25 và ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 562/TB-TA ngày 16 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nghiêm Ngọc T - sinh năm 1954; cư trú tại số A đường L, tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nghiêm Thị T1 - sinh năm 1968; cư trú tại số A đường Q, tổ C, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2019).

- *Bị đơn:* 1. Ông Nghiêm X - sinh năm 1953

2. Bà Đoàn Thị T2 - sinh năm 1958

Cùng cư trú tại số C đường Q, tổ C, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người giám hộ của ông Nghiêm X:* Anh Nghiêm T3 – sinh năm 1982; cư trú tại tổ dân phố E, thị trấn P, K, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú tại số C đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Nghiêm T3:* Ông Đào Khoa T4 – sinh năm 1968; địa chỉ liên lạc: Số C đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2024).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị T2:* Anh Nghiêm T3 – sinh năm 1982; cư trú tại tổ dân phố E, thị trấn P, K, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú tại số C đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và ông Đào Khoa T4 – sinh năm 1968; địa chỉ liên lạc: Số C đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2024).

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nghiêm X và bà Đoàn Thị T2:* Ông Trần Việt N - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; ông Lê Xuân Anh P, ông Trịnh Gia Q, ông Nguyễn Văn L và bà Vũ Thị Kim T5 – Luật sư của Công ty L1; địa chỉ: Số I đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Nghiêm S - sinh năm 1973

4. Bà Trần Thị H - sinh năm 1972

Cùng cư trú tại số D đường Q, tổ C, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nghiêm D - sinh năm 1958; cư trú tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Nghiêm V - sinh năm 1964; cư trú tại số C đường M, tổ D, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Nghiêm Thị T1 - sinh năm 1968; cư trú tại số A đường Q, tổ C, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Nghiêm Thị C - sinh năm 1966; cư trú tại tổ E, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bà Nghiêm Thị Q1 - sinh năm 1965; cư trú tại tổ dân phố C, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6. Ông Nghiêm N1 - sinh năm 1969; cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nghiêm Thị C, bà Nghiêm Thị Q1, ông Nghiêm N1:* Bà Nghiêm Thị T1 - sinh năm 1967; cư trú tại số A đường Q, tổ

C, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2024).

7. Ông Nghiêm T6 - sinh năm 1967; cư trú tại tổ dân phố E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

8. Ông Nghiêm T7 - sinh năm 1971; cư trú tại tổ A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

9. Anh Nguyễn Nhất D1 - sinh năm 1980; cư trú tại số A đường Q, tổ C, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

10. Chị Nghiêm Thị Thu N2 - sinh năm 2005; cư trú tại tổ C, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

11. Ông Nguyễn Đình Q2 - sinh năm 1962; cư trú tại số A đường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình Q2:* Anh Nguyễn Nhất D1 - sinh năm 1980; cư trú tại số A đường Q, tổ C, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2023).

- *Người kháng cáo:* Ông Nghiêm Ngọc T, ông Nghiêm V, ông Nghiêm T6, ông Nghiêm D, anh Nguyễn Nhất D1, ông Nghiêm S, ông Nghiêm X.

(Các ông, bà Nghiêm Ngọc T, Nghiêm Thị T1, Nghiêm S, Trần Thị H, Nghiêm D, Nghiêm V, N, Nghiêm T7, Luật sư Lê Xuân Anh P và các anh Nghiêm T3, Nguyễn Nhất D1 có mặt tại phiên tòa; ông Trần Việt N vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/9/2024, có mặt tại phiên tòa ngày 30/9/2024).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nghiêm Ngọc T và người đại diện theo ủy quyền là bà Nghiêm Thị T1 cùng trình bày:*

Cha, mẹ của ông Nghiêm Ngọc T là cụ Nghiêm C1 (chết năm 1982) và cụ Võ Thị B (chết năm 2016) có 13 người con là các ông, bà Nghiêm Thị N3 (không rõ năm sinh, chết lúc nhỏ khoảng 05 tuổi), Nghiêm X, Nghiêm Ngọc T, N, Nghiêm Thị T8 (chết năm 2008), Nghiêm Thị Q1, N, Nghiêm Thị C, Nghiêm T6, Nghiêm Thị T1, Nghiêm N1, N, Nghiêm S. Ngoài ra, cụ C1 và cụ B không còn người con nào khác kể cả con riêng hay con nuôi.

Bà Nghiêm Thị T8 chung sống với ông Nguyễn Đình Q2 một thời gian ngắn, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn; bà T8 và ông Q2 có một người con là anh Nguyễn Nhất D1.

Nguồn gốc thừa đất số 148, tờ bản đồ số 2, diện tích 428,7m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất T và 128,7m<sup>2</sup> đất vườn), tại phường L, thị xã Q (nay là thành phố Q),

tỉnh Quảng Ngãi được UBND thị xã Q (nay là thành phố Q) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho hộ cụ Võ Thị B vào ngày 16/9/2004 (viết tắt là thửa 148) là của cụ Nghiêm C1 và cụ Võ Thị B mua của cụ Hồ Thị B1 vào năm 1955. Cụ C1, cụ B chết không để lại di chúc, nên đây là di sản của cụ C1, cụ B để lại cho 12 người con. Hiện ông Nghiêm X, bà Đoàn Thị T2 và ông Nghiêm S, bà Trần Thị H đang quản lý di sản của cụ C1, cụ B để lại.

Nay, ông T yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ C1, cụ B là thửa 148 theo diện tích đo đạc thực tế là 417,2m<sup>2</sup> thành 12 kỷ phần cho 12 đồng thừa kế là các ông, bà X, T, D, Q2, V, C, T6, T1, N1, T7, S và anh D1. Ông T yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật; hiện trên thửa 148 có ngôi nhà của cha, mẹ làm từ năm 1964 để lại không còn giá trị sử dụng nên ông T không yêu cầu chia; trường hợp người nào được chia phần đất có nhà thì người đó được hưởng, không phải thanh toán lại giá trị nhà cho các đồng thừa kế khác.

Ông T đồng ý giao kỷ phần thừa kế của ông T cho bà T1 nhận; bà T1 phải chịu chi phí tố tụng khác liên quan đến việc nhận kỷ phần thừa kế của ông T.

*\* Tại văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Nghiêm X và bà Đoàn Thị T2 cùng trình bày:* Ông, bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, di sản và nguồn gốc di sản thừa kế.

Ông, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế di sản của cụ C1, cụ B để lại là thửa 148 theo diện tích đo đạc thực tế là 417,2m<sup>2</sup> cho các đồng thừa kế của cụ C1, cụ B. Tuy nhiên, ông là người có công quản lý, bảo quản di sản từ năm 1982 đến nay; khi cụ B già yếu, ông sống gần nên thường xuyên qua lại, chăm sóc cụ B. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án khi chia thừa kế thì xem xét công sức cho ông trong quá trình quản lý, bảo quản di sản và chăm sóc cụ B khi còn sống, nên chia cho ông thêm 01 kỷ phần thừa kế. Ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

*\* Tại văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Nghiêm S và bà Trần Thị Hồng C2 trình bày:* Ông, bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, di sản và nguồn gốc di sản thừa kế.

Ông, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế di sản của cụ C1, cụ B để lại là thửa 148 theo diện tích đo đạc thực tế là 417,2m<sup>2</sup> cho các đồng thừa kế của cụ C1, cụ B. Tuy nhiên, ông là người có công quản lý, bảo quản di sản từ năm 2004 đến nay; cụ B sống chung với ông từ năm 1992 cho đến khi cụ B chết vào năm 2016, nên ông có công chăm sóc, nuôi dưỡng cụ B. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án khi chia thừa kế thì xem xét công sức cho ông trong quá trình quản lý, bảo quản di sản và chăm sóc cụ B khi còn sống, nên chia cho ông thêm 01 kỷ phần thừa kế. Ông đồng ý chia thừa kế nhưng yêu cầu Tòa án chia cho ông phần đất có diện tích 50m<sup>2</sup> tiếp giáp với đường Q để ông có chỗ làm nghề sửa xe, vì hiện nay ông là trụ cột chính của gia đình, ông không có nghề nghiệp nào khác.

*\* Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Nghiêm Thị T1, Nghiêm Thị Q1, Nghiêm N1, Nghiêm D, Nghiêm V, Nghiêm T6, N, Nghiêm Thị C và anh Nguyễn Nhất D1 cùng trình bày: Các ông, bà và anh thống nhất với trình bày về quan hệ huyết thống, di sản, nguồn gốc di sản thừa kế và yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.*

Các ông, bà và anh yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật. Hiện trên thửa 148 có ngôi nhà của cụ C1, cụ B làm từ năm 1964 để lại không còn giá trị sử dụng nên các ông, bà và anh không yêu cầu chia thừa kế; trường hợp người nào được chia phần đất có nhà thì người đó được hưởng, không phải thanh toán lại giá trị nhà cho các đồng thừa kế khác.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình Q2 do anh Nguyễn Nhất D1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Nguyễn Đình Q2 và bà Nghiêm Thị T8 chung sống với nhau từ năm 1979, nhưng không đăng ký kết hôn; thời gian đầu, ông Q2 và bà T8 có sinh sống tại nhà cha, mẹ của bà T8 một thời gian ngắn, sau đó chuyển ra ngoài sinh sống. Ông Q2, bà T8 có một người con chung là anh Nguyễn Nhất D1. Năm 1982, ông Q2 đi bộ đội tại chiến trường Campuchia thì ông Q2, bà T8 chia tay; năm 1987, ông Q2 kết hôn với người phụ nữ khác.

Hiện bà T8 đã chết, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế cho bà T8 thì ông Q2 không có bất kỳ yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giao kỷ phần thừa kế của bà T8 cho anh Nguyễn Nhất D1 nhận.

*\* Bản án số 55/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông, bà T, T1, N1, Q2, D, V, T6, T7, C và anh D1 về việc chia thừa kế thửa 148, diện tích theo đo đạc thực tế là 417,2m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất T và 117,2m<sup>2</sup> đất vườn) như sau:*

1. Các ông, bà N1, Q2, D, V, T6, T7, C và anh D1, mỗi người được nhận 01 kỷ phần 32,09m<sup>2</sup> (trong đó có 23,08m<sup>2</sup> đất T và 9,01m<sup>2</sup> đất vườn), trị giá 2.040.154.816 đồng/kỷ phần.

2. Bà T1 được nhận 04 kỷ phần là 128,36m<sup>2</sup> (trong đó có 92,32m<sup>2</sup> đất T và 36,04m<sup>2</sup> đất vườn), trị giá 8.160.619.264 đồng.

3. Ông X và ông S mỗi người được nhận 1,5 kỷ phần là 48,135m<sup>2</sup> (trong đó có 34,62m<sup>2</sup> đất T và 13,515m<sup>2</sup> đất vườn), trị giá 3.060.232.224 đồng.

4. Giao cho ông X phần đất, ký hiệu A có diện tích 144,41m<sup>2</sup> (trong đó có 103,86m<sup>2</sup> đất T và 40,55m<sup>2</sup> đất vườn) được giới hạn bởi các điểm 1-2-23-22-21-20-19-18-16-17-1.

5. Giao cho ông S phần đất, ký hiệu B có diện tích 272,79m<sup>2</sup> (trong đó có 196,14m<sup>2</sup> đất T và 76,65m<sup>2</sup> đất vườn) được giới hạn bởi các điểm số 2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-18-19-20-21-22-23-2.

*(Có Sơ đồ phân chia thừa kế kèm theo bản án).*

Ông X, ông S không phải thanh toán lại giá trị tài sản gắn liền với phần đất được nhận cho các đồng thừa kế khác. Ông X, ông S có trách nhiệm đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai để được cấp GCNQSDĐ theo đúng phần đất được chia.

6. Ông X phải thanh toán cho bà C, ông T7, anh D1, mỗi người 2.040.154.816 đồng.

7. Ông S phải thanh toán cho bà T1 8.160.619.264 đồng và cho các ông D, V, T6, mỗi người 2.040.154.816 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Trong các ngày 02, 03, 05, 16, 17, 19, 24 tháng 10 năm 2023, các ông T, V, T6, D và anh D1 có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chia thừa kế thừa 148 thành 12 kỷ phần cho các đồng thừa kế, mỗi người được nhận 01 kỷ phần có diện tích 34,75m<sup>2</sup> (trong đó có 25m<sup>2</sup> đất T và 9,75m<sup>2</sup> đất vườn), trị giá 2.210.107.693 đồng.

\* Ngày 26 tháng 9 và ngày 03 tháng 10 năm 2023, ông S có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chia cho ông 02 kỷ phần tương đương với diện tích đất 71,45m<sup>2</sup> (trong đó có 40m<sup>2</sup> đất T và 31,45m<sup>2</sup> đất vườn) tại vị trí mặt tiền đường Q mà ông đã mở tiệm sửa xe suốt gần 20 năm thuộc thửa 148; ông không nhận phần đất có diện tích 272,79m<sup>2</sup> (trong đó có 196,14m<sup>2</sup> đất T và 76,65m<sup>2</sup> đất vườn) như bản án sơ thẩm đã giao.

\* Ngày 04/10/2023, ông X có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi; không chia ngôi nhà của cha, mẹ đã cho ông cách đây 42 năm, là ngôi nhà duy nhất mà ông đang sinh sống.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nghiêm X, bà Đoàn Thị T2 phát biểu ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án số 55/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của các ông T, V, T6, D, X, S và anh D1 đảm bảo về thời hạn, chủ thể và nội dung kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án số 55/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm; các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên án vụ án nêu trên. Vào ngày 26 tháng 9 và các ngày 02, 03, 04, 05, 16, 17, 19, 24 tháng 10 năm 2023, các ông Nghiêm Xuân T9, Nghiêm V, Nghiêm T6, Nghiêm D, Nghiêm X, Nghiêm S và anh Nguyễn Nhất D1 có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nghiêm Thị Thu N2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Ngày 04/12/2023, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án; ngày 27/3/2024, ông Nghiêm X và bà Đoàn Thị T2 có văn bản ủy quyền cho anh Nghiêm T3 và ông Đào Khoa T4 tham gia tố tụng; ngày 05/4/2024, anh T3 có đơn đề nghị về việc nộp tài liệu, chứng cứ mới quan trọng và đề nghị triệu tập người làm chứng tham gia phiên tòa (Tòa án nhận ngày 08/4/2024), trong đó có nội dung ông X, bà T2 được cụ Nghiêm C1 và cụ Võ Thị B cho phần đất có diện tích 84m<sup>2</sup> (4m x 21m) khi ông X lập gia đình ra riêng từ năm 1982, có xác nhận của một số người làm chứng là các ông Võ Thành H1, Võ Thành C3, Trần K, Trương Quang S1; tại bản tự khai ngày 07/4/2024, anh T3 cho rằng cụ C1, cụ B đã tặng cho ông X nhà, đất thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 2, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tại số nhà C đường Q, thành phố Q được thể hiện qua việc ông X sử dụng từ năm 1982 đến nay; kê khai, nộp thuế; đồng thời, các anh chị em của ông T9 hàng năm về thăm nhà, giỗ cụ C1 đều không phản đối; quá trình sử dụng, ông X nhiều lần sửa chữa nhà; gần đây nhất là khoảng năm 2004, ông X và bà T2

thuê thợ xây nhà, có xin phép và được UBND phường L cho phép làm nhà; do nhà xuống cấp nên năm 2008, ông X và bà T2 tiếp tục thuê thợ xây nhà nhưng các anh, chị, em của ông X đều không phản đối hay ý kiến gì; mặt khác, theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 132, tờ bản đồ số 2, phường L cũng thể hiện giới cận phía Nam thửa đất số 132 giáp nhà ông Nghiêm X (bút lục 517, 519, 521, 522, 524); ngày 14/5/2024, anh T3 có đơn trình bày gửi Tòa án, trong đó có nội dung: *Vào khoảng năm 1971, ông X bị mảnh đạn ghim vào sau đầu và bị co quắp tay chân, tàn tật nặng, cũng đã nhiều lần bị tai biến bởi dị vật kim loại đang ở trong hộp sọ, sức khỏe, tinh thần bị yếu kém do di chứng của mảnh đạn để lại. Vì vậy, ông X thường xuyên có triệu chứng quên, nhớ thất thường và khó khăn trong nhận thức. Từ những vấn đề về tâm thần và sức khỏe yếu kém nêu trên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông X trong việc quyết định tài sản và các vấn đề khác; hiện gia đình anh đã hoàn thiện hồ sơ để gửi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tuyên bố ông X là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi ...*

[4] Ngày 31/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk có Quyết định giải quyết việc dân sự số 10/2024/QĐST-VDS về việc tuyên bố ông Nghiêm X là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định anh Nghiêm T3 là người giám hộ cho ông X.

[5] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T3 có cung cấp và Tòa án đã thu thập tài liệu. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 20 ngày 07/12/1994 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Ngãi về việc thuận tình ly hôn giữa ông Nghiêm X và bà Đoàn Thị T2 thể hiện về phần tài sản, ông X và bà T2 thỏa thuận có một móng nhà; tại phiên tòa, anh T3 là người giám hộ của ông X cho rằng móng nhà được thể hiện trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn nói trên, vào năm 2008 ông X và bà T2 đã làm nhà, hiện ông X và bà T2 đang quản lý, sử dụng; bà T1 (vừa là người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà T9, Q2, C, N1 vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), các ông D, V, T6, T7 và anh D1 đều không thừa nhận tại thời điểm ly hôn ông X, bà T2 có tài sản là móng nhà vì khi ông X, bà T2 ly hôn thì các ông, bà không biết, không tham gia nên không biết việc thỏa thuận về tài sản của ông X, bà T2.

[6] Ông X kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, không đồng ý chia ngôi nhà của cha, mẹ đã cho ông cách đây 42 năm, là ngôi nhà duy nhất mà ông đang sinh sống; tại phiên tòa, anh T3 là người giám hộ cho ông X và là người đại diện theo ủy quyền của bà T2 cho rằng khi còn sống, cụ C1 và cụ B đã cho ông X, bà T2 ngôi nhà số C đường Q, thành phố Q từ năm 1982; quá trình sử dụng, ông X và bà T2 đã nhiều lần sửa chữa, làm thêm phần nhà phía sau, nhưng do ông X lúc nhớ, lúc quên vì bị ảnh hưởng mảnh đạn còn ghim trong đầu nên trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông X (vừa là bị đơn, vừa là người đại diện theo ủy quyền của bà T2 - bút lục 267, 268) đã không yêu cầu Tòa án xác định cho ông X, bà T2 được quyền sở hữu, sử dụng



nhà, đất tại số C đường Q, thành phố Q hiện ông T9 và các em của ông T9 đang tranh chấp, trước khi chia thừa kế di sản của cụ C1 và cụ B là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông X, bà T2. Do đó, anh đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án nhằm bảo đảm quyền lợi cho ông X, bà T2.

[7] Như nhận định trên, do phát sinh tình tiết mới tại cấp phúc thẩm là Quyết định giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố ông Nghiêm X là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 20 ngày 07/12/1994 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Ngãi về việc thuận tình ly hôn giữa ông Nghiêm X và bà Đoàn Thị T2 thể hiện về phần tài sản, ông X và bà T2 thỏa thuận có một móng nhà. Tình tiết này chưa được xem xét, đánh giá tại cấp sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét khi giải quyết vụ án vì vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Để giải quyết vụ án được triệt để, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo quy định của pháp luật mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của các đương sự.

[8] Nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các ông T9, D, X, S, V, T6 và anh D1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông V, ông S, ông T6 và anh D1 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0000056, 0000059 ngày 26/10/2023; Biên lai số 0000062 và số 0000061 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

[10] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nghiêm X, bà Đoàn Thị T2 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Hủy bản án số 55/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Các ông Nghiêm Ngọc T, Nghiêm D, Nghiêm X, Nghiêm S, Nghiêm V, Nghiêm T6 và anh Nguyễn Nhất D1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nghiêm V, ông Nghiêm S, ông Nghiêm T6 và anh Nguyễn Nhất D1 mỗi người 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0000056, số 0000059 cùng ngày 26/10/2023 và Biên lai số 0000062, số 0000061 cùng ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Trịnh Thị Thu Lan**